



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1598/QĐ - VPCNCLQG**
ngày **13** tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Hóa sinh**
Medical Laboratory: Biochemistry Department
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí**
Organization: Vietnam - Sweden Hospital Uong Bi
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Field of medical testing: Biochemistry
Người phụ trách/ **Vũ Thị Thanh Hương**
Representative: Vu Thị Thanh Hương

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 048**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **13** /6/2025 đến ngày **12** /6/2030

Địa chỉ/ Address: **Đường Tuệ Tĩnh, Phường Thanh Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh/**
Tue Tinh Street, Thanh Son Ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province

Địa điểm/Location: **Đường Tuệ Tĩnh, Phường Thanh Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh/**
Tue Tinh Street, Thanh Son Ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province

Điện thoại/ Tel: **02032.243.319**

Email: **khoahoasinh.bvub@gmail.com**

Website: **www.vsh.org.vn**



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 048

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết tương (Li-Heparin) Plasma (Li-Heparin)	Xác định hoạt độ ALT (SGPT) <i>Determination of ALT</i>	Động học Enzym <i>Kinetic Enzymatic</i>	HS-QTXN.HS.07 (2025) (AU 5800)
2.		Xác định hoạt độ AST (SGOT) <i>Determination of AST</i>	Động học Enzym <i>Kinetic Enzymatic</i>	HS-QTXN.HS.08 (2025) (AU 5800)
3.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of Cholesterol total</i>	Đo quang <i>Colorimetric</i>	HS-QTXN.HS.09 (2025) (AU 5800)
4.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Đo màu động học <i>Fixed time kinetic</i>	HS-QTXN.HS.10 (2025) (AU 5800)
5.		Định lượng Urea <i>Determination of Urea</i>	Động học Enzym <i>Kinetic Enzymatic</i>	HS-QTXN.HS.11 (2025) (AU 5800)
6.		Định lượng Uric Acid <i>Determination of Uric Acid</i>	Đo quang <i>Colorimetric</i>	HS-QTXN.HS.12 (2025) (AU 5800)

Ghi chú/ Note:

- QT.HS....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Hóa sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Biochemistry Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.* ✓

Chữ ký